

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2018

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đục - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Không tham gia.

Vào ngày 28/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Ngọc S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Tô Hoàng K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lương Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bà T và bà N bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2018; biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 và tại phiên tòa chị Hồ Ngọc S trình bày: Chị và anh Tô Hoàng K tự tìm

hiếu và kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Tp. L, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 164 ngày 04/7/2008), sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013. Đến năm 2016 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, do anh K gây chuyện và đánh chị, nên chị và anh K đã ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai không gặp nhau và cũng không thể hàn gắn lại được với nhau.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh K không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Tô Hoàng K.

- Về con chung: Có hai con chung tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013 hiện nay đang sống với anh K, khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh K nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- ***Tại bản tự khai ngày 28/02/2018 và biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 anh Tô Hoàng K trình bày:*** Thừa nhận vào năm 2004 anh và chị S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Tp. L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013. Đến năm 2016, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi nhau và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay.

Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013 hiện nay đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống giữa anh và chị S có nợ bà Lương Thị T (mẹ ruột anh) số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), anh yêu cầu chị S có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà T.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- **Tại tờ tường trình ngày 04/4/2018 bà Lương Thị T trình bày:** Trước đây bà có cho vợ chồng anh Tô Hoàng K và chị Hồ Ngọc S vay số tiền 32.000.000đ để làm ăn đến nay anh K và chị S vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào. Nay bà không khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- **Tại tờ tường trình ngày 02/4/2018 bà Nguyễn Thị N trình bày:** Trước đây bà là chủ hội chị Hồ Ngọc S có tham gia chơi hội của bà, chị S tham gia chơi 01 chân, loại hội 1.000.000đ/tháng, hội có 29 thành viên tham gia, hội khai vào ngày 16 hàng tháng. Chị S đã hốt hội lần thứ 13 và còn phải chầu lại hội chết là 16 lần, với số tiền là 16.000.000 đồng đến nay chị S vẫn chưa trả cho bà. Đối với số tiền nợ hội trên giữa bà với chị S đã thỏa thuận được phương thức trả số tiền trên xong, nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà với chị S có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồ Ngọc S với anh Tô Hoàng K là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay, cả hai không gặp nhau để thương lượng tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ, chung sống lại với nhau nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung mà luôn cự cãi, mâu thuẫn nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S với anh K là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị S và anh K có sinh được 02 đứa con chung tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013 hiện nay đang sống với anh K. Tại biên bản hòa giải, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà, chị S cũng thống giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh K và chị S thân cho đến nay, cháu L và cháu V do anh K nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh K vẫn đảm bảo cho 02 cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại bản khai ngày 29/3/2018 cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục

sống chung với anh K, nghĩ nên tiếp tục giao cháu L và cháu V cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị S không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh K không yêu cầu.

Chị S được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa anh K và chị S đều trình bày anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ anh K trình bày vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị N 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền hụi và nợ bà Lương Thị T 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) tiền mượn. Tại phiên tòa, chị S cho rằng có nợ tiền hụi của bà N là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), nhưng giữa chị và bà N đã tự thỏa thuận giải quyết số tiền trên xong, còn số nợ bà T chị không thừa nhận, tại tờ tường trình ngày 02/4/2018 và ngày 04/4/2018 bà N và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này bà N và bà T có yêu cầu anh K và chị S trả số nợ trên, thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện riêng.

Tại phiên tòa bà N, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà T và anh K là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Ngọc S đối với anh Tô Hoàng K, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 164 ngày 04/7/2008 của Ủy ban nhân dân phường M, Tp. L, tỉnh An Giang.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao 02 con chung của chị Hồ Ngọc S với anh Tô Hoàng K tên Tô Hữu L, sinh ngày 26/9/2005 và Tô Ngọc Yến V, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Tô Hoàng K nuôi dưỡng.

Chị Hồ Ngọc S không cấp dưỡng nuôi con do anh Khanh không yêu cầu.

Chị Hồ Ngọc S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Hồ Ngọc S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000791 ngày 27/02/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ